

RECOVERY THE NON NUOC STONE SCULPTURE VILLAGE OF DA NANG CITY

Le Ngoc Nhat^{1*}, Le Thai Phuong²¹Ngu Hanh Son Relic and Landscape Management Board²Da Nang Architecture University

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	03/9/2021	In 2014, with the unique historical, cultural and scientific values of traditional handicrafts, Non Nuoc stone sculpture village was recognized as a national cultural heritage by the Vietnam Ministry of Culture, Sports and Tourism. However, besides the socio-economic values, the traditional handicraft village is still restricted. For this reason, this research aims to analyze the existence in production and business activities of the traditional handicraft village through three main methods: data collection and processing; field survey; analysis, evaluation and comparison. The results of this research will contribute to the process of planning development and seeking solutions to recovery the Non Nuoc stone sculpture village, with 3 main contents: (1) hold area characterized by the exhibit and product making, combined with developing tourism; (2) solve the problem of environmental pollution; (3) specialization of production.
Revised:	23/9/2021	
Published:	23/9/2021	
KEYWORDS		
Traditional handicrafts village		
Non Nuoc stone carving		
Craft village		
Non Nuoc		
Marble Mountains		

KHÔI PHỤC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐÁ MỸ NGHỆ NON NƯỚC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Lê Ngọc Nhất^{1*}, Lê Thái Phương²¹Ban Quản lý Di tích Danh thắng Ngũ Hành Sơn²Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	03/9/2021	Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc sắc của nghề điêu khắc đá Non Nước, làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia vào năm 2014. Bên cạnh những kết quả đạt được về mặt kinh tế - xã hội, làng nghề còn tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Do đó nghiên cứu này nhằm phân tích những thành công và tồn tại trong hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước thông qua ba phương pháp chính là phương pháp thu thập và xử lý số liệu; phương pháp khảo sát thực địa; phương pháp phân tích, đánh giá và so sánh. Kết quả góp phần định hướng phát triển và đưa ra một số giải pháp khôi phục làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước với ba nội dung chính: (1) xây dựng khu chế tác, trưng bày sản phẩm của làng nghề kết hợp với phát triển du lịch; (2) giải quyết ô nhiễm môi trường; (3) chuyên môn hóa quy trình sản xuất.
Ngày hoàn thiện:	23/9/2021	
Ngày đăng:	23/9/2021	
TỪ KHÓA		
Làng nghề truyền thống		
Đá mỹ nghệ Non Nước		
Làng nghề		
Non Nước		
Ngũ Hành Sơn		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.4942>* Corresponding author. Email: nhatlengoc.vn@gmail.com

1. Giới thiệu

Làng nghề truyền thống là làng nghề có lịch sử phát triển lâu đời với một hay nhiều nghề thủ công được truyền từ đời này qua đời khác, trải qua thời gian của lịch sử nó vẫn được bảo tồn gìn giữ và phát triển [1]. Làng nghề có thể chia ra làm 14 nhóm: Mây tre đan; cói; gốm sứ; sơn mài, khảm trai; thêu ren; dệt; đồ gỗ; đá mỹ nghệ; giấy thủ công; tranh nghệ thuật; trò chơi dân gian; sản phẩm kim khí; chế biến nông sản và thực phẩm; cây cảnh [2].

Làng nghề truyền thống là nơi lưu giữ kho tàng văn hóa vật thể và phi vật thể vô cùng phong phú, là nơi phát triển tinh hoa văn hóa của dân tộc đồng thời mang lại lợi nhuận kinh tế và là nguồn thu chủ yếu của nhiều hộ gia đình, góp phần thúc đẩy bộ mặt kinh tế, xã hội của địa phương [3]. Việc khôi phục, bảo tồn và phát triển làng nghề có vai trò rất quan trọng thể hiện ở 5 khía cạnh là: Giải quyết việc làm cho người lao động ở nông thôn, tăng giá trị sản phẩm hàng hóa cho nền kinh tế, thực hiện các yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thu hút vốn nhân rồi, tận dụng thời gian và lực lượng lao động, nâng cao mức sống và hạn chế di dân tự do, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa dân tộc [4]. Làng nghề còn được xem là “tài nguyên” để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo có sức cuốn hút mạnh mẽ với du khách trong và ngoài nước [5]. Rất nhiều làng nghề của Việt Nam đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn đối với du khách, đặc biệt là du khách quốc tế.

Tính đến năm 2020, cả nước có trên 5.100 làng nghề và làng nghề truyền thống. Các làng nghề đã giải quyết việc làm cho khoảng trên 10 triệu lao động, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho nhân dân chủ yếu ở khu vực nông thôn [6]. Tuy vậy, trên thực tế hoạt động của các làng nghề ở nước ta vẫn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục. Trong đó, nổi bật là sự thiếu định hướng chiến lược lâu dài, thiếu nguồn nhân lực chuyên nghiệp. Ngoài ra, sản phẩm của các làng nghề tuy phong phú nhưng sức cạnh tranh kém, chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường, ít có thương hiệu mang tầm quốc gia và quốc tế. Nguyên nhân cơ bản của các tồn tại trên một mặt do tác động của kinh tế thị trường, mặt khác do cơ quan quản lý Nhà nước vẫn chưa có chương trình, kế hoạch cụ thể về việc bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề của cả nước [7].

Hiện nay, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về làng nghề cũng như làng nghề truyền thống tại Việt Nam. Một số công trình tiêu biểu như sau:

- *Thứ nhất*, nghiên cứu của Đinh Xuân Nghiêm về “Một số chính sách chủ yếu phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam” [1]. Đề tài nghiên cứu rà soát và đánh giá một số chính sách phát triển làng nghề từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách thúc đẩy phát triển bền vững làng nghề Việt Nam. Trong đó, tập trung vào 3 nhóm chính sách là chính sách kinh tế, chính sách xã hội và chính sách bảo vệ môi trường.

- *Thứ hai*, nghiên cứu của Mai Văn Nam về “Xây dựng mô hình phát triển làng nghề kết hợp du lịch ở Bạc Liêu” [8]. Đề tài đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề tại Bạc Liêu và tiềm năng du lịch dựa trên các làng nghề. Đồng thời cũng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các làng nghề. Qua đó, định hướng một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hộ làm nghề và phát triển du lịch địa phương.

- *Thứ ba*, nghiên cứu của Nguyễn Tri Nam Khang và cộng sự về “Giải pháp phát triển làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch tỉnh Hậu Giang” [4]. Đề tài thực hiện đánh giá các lợi ích đạt được của việc kết hợp các hoạt động làng nghề truyền thống với du lịch địa phương, cụ thể gồm: Xác định các yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các làng nghề; so sánh hiệu quả khác nhau của các làng nghề; so sánh hiệu quả giữa làng nghề truyền thống và làng nghề kết hợp du lịch; xác định giá trị thặng dư mà Hậu Giang nhận được khi áp dụng mô hình làng nghề truyền thống kết hợp với du lịch.

- *Thứ tư*, nghiên cứu của Nguyễn Khắc Hoàn và Lê Thị Kim Liên về “Giải pháp khôi phục và phát triển các làng nghề thủ công truyền thống ở Thừa Thiên Huế” [9]. Đề tài phân tích thực trạng của một số ngành nghề thủ công truyền thống ở Thừa Thiên Huế. Qua đó, đề xuất 5 giải

pháp cơ bản nhằm phát triển làng nghề truyền thống ở Thừa Thiên Huế, trong đó đặc biệt chú trọng khâu nghiên cứu nhu cầu thị trường và gắn với phát triển du lịch của địa phương.

- *Thứ năm*, nghiên cứu của Vũ Ngọc Hoàng về “Làng nghề truyền thống ở tỉnh Nam Định trong hội nhập quốc tế” [10]. Đề tài đã phân tích thực trạng làng nghề truyền thống ở tỉnh Nam Định trong quá trình hội nhập quốc tế từ giai đoạn 2010 – 2015, chỉ rõ các thế mạnh, hạn chế của làng nghề truyền thống ở tỉnh Nam Định trước yêu cầu mới của hội nhập quốc tế hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của làng nghề truyền thống ở tỉnh Nam Định đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- *Thứ sáu*, nghiên cứu của Trương Trí Thông và Lý Mỹ Tiên về “Tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tại làng nghề dệt thổ cẩm của đồng bào Khmer ở xã Văn Giáo, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang” [11]. Thông qua phỏng vấn và phân tích các ý kiến của du khách cũng như người dân địa phương, nghiên cứu đánh giá tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch ở làng nghề dệt thổ cẩm Văn Giáo và đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những khó khăn để phát triển du lịch tại làng nghề truyền thống của đồng bào Khmer ở Văn Giáo được hiệu quả hơn.

Nhìn chung các công trình nghiên cứu đã đề cập đến lý thuyết liên quan đến làng nghề truyền thống như khái niệm làng nghề truyền thống, các đặc điểm của làng nghề truyền thống, vai trò của làng nghề truyền thống đối với kinh tế, xã hội địa phương và kinh nghiệm phát triển làng nghề truyền thống ở Việt Nam và trên thế giới. Một số công trình đã phân tích thực trạng phát triển làng nghề truyền thống tại một số địa phương cụ thể và đưa ra những định hướng nhằm phát triển làng nghề truyền thống cho địa phương. Tuy nhiên, hiện nay chưa có nghiên cứu nào về việc khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống tại Đà Nẵng nói chung và làng đá mỹ nghệ Non Nước nói riêng. Chính vì vậy, nghiên cứu này tập trung phân tích những ưu điểm và những tồn tại, bất cập trong các hoạt động tại làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước. Từ đó, đưa ra những định hướng và giải pháp khôi phục làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phối hợp ba phương pháp chính, bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý số liệu; phương pháp khảo sát thực địa; phương pháp phân tích, đánh giá và so sánh.

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu: Thu thập các văn bản có liên quan đến làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước; các tài liệu khoa học đã được công bố. Các dữ liệu thu thập được xử lý theo yêu cầu nghiên cứu.

- Phương pháp khảo sát thực địa: Khảo sát các cơ sở sản xuất tại làng đá mỹ nghệ Non Nước để đánh giá thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh tại làng đá mỹ nghệ Non Nước.

- Phương pháp phân tích, đánh giá và so sánh: Nhằm tìm ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của làng đá mỹ nghệ Non Nước.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Quá trình hình thành và phát triển làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

Làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước nằm dưới chân núi Ngũ Hành Sơn được coi là một trong những làng nghề lâu đời nhất và nổi tiếng nhất Đà Nẵng. Trải qua gần bốn thế kỷ tồn tại, các sản phẩm đá mỹ nghệ Non Nước mang đậm tính nghệ thuật đã khẳng định được chỗ đứng trên thị trường, vượt ra khỏi biên giới quốc gia, vươn ra tầm thế giới, trở thành niềm tự hào và đem lại nguồn thu đáng kể cho làng nghề Non Nước nói riêng và quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng nói chung.

Theo phủ biên tập lục của Lê Quý Đôn thì làng đá Ngũ Hành Sơn Đà Nẵng được hình thành từ giữa thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 18. Ông tổ nghề là một người quê gốc Thanh Hóa. Ban đầu sản phẩm làm ra chủ yếu để phục vụ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của người dân địa phương. Đến khoảng đầu thế kỷ XIX, khi triều Nguyễn cho xây dựng nhiều cung điện, lăng tẩm, nghề đá ở đây có điều kiện phát triển. Uy tín của làng nghề cũng nâng cao, một số thợ giỏi được triều đình phong hàm Cửu phẩm, nhiều thợ được mời đi làm nghề ở khắp nơi.

Sau năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, hợp tác xã đá mỹ nghệ Non Nước được thành lập và hoạt động với 130 hộ xã viên, trong đó thợ điêu khắc có 150 người, còn lại hầu hết là lao động phổ thông. Sản phẩm lúc bấy giờ chủ yếu là vật liệu xây dựng, nguyên liệu khai thác tại chỗ, sản xuất theo kinh nghiệm truyền thống. Các sản phẩm mỹ nghệ lúc đó có kích thước nhỏ gọn, số lượng chưa nhiều, chủ yếu là hàng lưu niệm cho du khách trong nước và quốc tế đến tham quan khu Di tích Danh thắng Ngũ Hành Sơn.

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế theo cơ chế thị trường, Hợp tác xã mỹ nghệ Non Nước do không chuyển đổi kịp với cơ chế mới nên thua lỗ và giải thể. Một số hộ kinh doanh cá thể do nhạy bén và thích nghi với cơ chế mới nên phát triển mạnh cả về quy mô sản xuất lẫn cơ cấu mặt hàng. Các sản phẩm làm ra có thị trường tiêu thụ, không những trong nước mà còn ở cả nước ngoài như Đài Loan, Hồng Kông, Pháp, Úc...

Làng đá mỹ nghệ Non Nước ngày nay là bước tiếp nối của Làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước truyền thống Quán Khái Đông xưa. Với bề dày truyền thống trên dưới 400 năm, kể từ ngày một bộ phận dân cư vùng Thanh - Nghệ theo bước đường “Nam tiến” mở nước của nhà Lê đến vùng núi Ngũ Hành Sơn lập làng, lập nghiệp, các thế hệ nghệ nhân đá mỹ nghệ Non Nước đã sáng tạo ra nhiều loại hình sản phẩm mỹ nghệ độc đáo, không chỉ phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt vật chất mà còn đáp ứng nhu cầu thưởng thức các giá trị tinh thần. Từ các sản phẩm thô sơ, giản dị với quy trình chế tác đơn giản chủ yếu làm bằng tay. Ngày nay các sản phẩm của làng nghề được chế tác với quy trình phức tạp, nhiều công đoạn được thay thế bằng máy móc tinh vi, hiện đại, đã góp phần làm ra nhiều sản phẩm có giá trị không những về mặt kinh tế mà còn mang cả những giá trị đặc sắc, tiêu biểu về mỹ thuật. Thông qua bàn tay và khối óc thông minh, đức tính lao động cần cù, bền bỉ sáng tạo của các nghệ nhân, hiện nay các sản phẩm truyền thống của làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước đã được du khách của nhiều nước trên thế giới biết đến, qua đó góp phần vào việc tuyên truyền, quảng bá những giá trị đặc trưng của nền văn hóa dân tộc Việt Nam.

3.2. Giới thiệu một số đặc điểm của làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước có hơn 370 cơ sở sản xuất kinh doanh. Hằng năm, thợ điêu khắc đá ở Non Nước sản xuất được khoảng trên 80.000 sản phẩm các loại phục vụ nhu cầu của người dân địa phương, du khách đến tham quan và xuất khẩu đi các nước trên thế giới. Quy mô và tốc độ phát triển sản xuất làng nghề không ngừng gia tăng theo thời gian, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động, đặc biệt là nông dân trên địa bàn bị thu hồi đất do quá trình đô thị hóa.

Trước đây nguyên liệu phục vụ sản xuất của làng nghề được khai thác từ núi Ngũ Hành Sơn, nhưng trước nguy cơ mất đi một danh thắng lịch sử văn hóa, thành phố Đà Nẵng đã nghiêm cấm việc khai thác đá. Do đó, nguyên liệu chủ yếu của làng nghề hiện được cung cấp từ các địa phương như Thanh Hóa, Nghệ An, Thái Nguyên và một số nước trên thế giới... với sản lượng lên đến trên 25 ngàn tấn mỗi năm.

Công cụ sản xuất của nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước hiện nay bao gồm cả công cụ thủ công và máy cơ giới.

- Về công cụ thủ công: Người thợ hiện vẫn dùng các công cụ như búa tạ, xà beng để khai thác đá; con vọt, con chày để bóc tách các lớp đá; mũi xó (loại dùng để tách đá, loại dùng đục phác thảo); mũi bẹt để chặt đường thẳng hay cạnh góc vuông; mũi ve để tạo các chi tiết trên sản phẩm, như khắc chữ, trang trí hoa văn; mũi ngò để tạo các đường lượn tròn trên sản phẩm khi tạo chi tiết trang trí; thước đo; cưa xẻ đá và cưa cắt vòng; khoan để khoan các lỗ nhỏ, eo hiểm; bàn mài làm bóng và nổi màu sắc cho sản phẩm.

- Về công cụ sản xuất bằng máy cơ giới: Đầu những năm 80 của thế kỷ XX, trong một số công đoạn sản xuất, người thợ đá Non Nước đã bắt đầu sử dụng máy cơ khí hiện đại. Hiện nay, máy móc thay thế hoạt động thủ công ngày càng nhiều. Ứng dụng khoa học kỹ thuật góp phần quan trọng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm. Các thiết bị máy móc hiện đại được sử dụng trong nghề điêu khắc đá Non Nước hiện nay đa số được nhập khẩu từ Nhật Bản, Đài Loan, Đức, như: tời kéo tự động, máy cắt của tời kéo, palăng, máy cắt, máy tiện, khoan cầm tay...

Dưới bàn tay khéo léo của các nghệ nhân nơi đây, các tác phẩm nghệ thuật đầy tinh xảo đã được ra đời và theo chân du khách đi khắp cả nước, đến các nước như Pháp, Mỹ, Úc... Những nghệ nhân tiêu biểu của làng nghề hôm nay đó là Nguyễn Long Bửu, Nguyễn Việt Minh, Nguyễn Sang, Lê Bền... và thế hệ kế cận luôn chung tay bồi đắp, gìn giữ, phát huy giá trị cho làng nghề.

Sản phẩm của làng nghề hết sức đa dạng và phong phú. Từ những đồ dùng thông dụng, thô sơ của cuộc sống đời thường như cái chày, cái cối, ... đến những đồ trang sức nhỏ gọn, tinh xảo, đủ các màu sắc như những chiếc vòng, chiếc nhẫn, chuỗi hạt, những con cóc chặn giấy, những cặp sư tử hí cầu, những con đại bàng sải rộng cánh, những cặp cá thân tiên bằng đá cẩm thạch hồng hoặc thủy mặc... Bên cạnh đó, du khách khi đến làng nghề còn được chiêm ngưỡng những pho tượng đá cực kỳ ấn tượng như tượng phật bà Quan Âm, tượng Nữ thần Champa...

Hiện tại, làng nghề đã chuyển vào khu sản xuất tập trung để đảm bảo không gây tiếng ồn và bụi bặm tại khu Danh thắng Ngũ Hành Sơn, nên cần một nơi trung gian để giới thiệu chung về lịch sử và sản phẩm điêu khắc làm cầu nối giữa du lịch với làng nghề. Dưới chân núi Thủy Sơn còn một khu đất trống ngay góc đường Huyện Trần Công Chúa và Hoàng Sa (phường Hòa Hải) là thích hợp nhất để xây dựng khu chế tác, trưng bày các sản phẩm thủ công qua các thời kỳ, nhằm để giới thiệu truyền thống làng nghề và liên kết khách tham quan với các sản phẩm của làng nghề.

3.3. Một số thành công và hạn chế tại làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

3.3.1. Một số thành công của làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

Hiện nay, nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước đã vươn tới đỉnh cao nghệ thuật, không chỉ điêu khắc văn bia mà còn tạo tác các tượng đài, các nhân vật lịch sử, các danh nhân văn hóa, các linh vật Long, Lân, Quy, Phụng, các Phật, Thánh, Tiên, Thần mang tính chất văn hóa tín ngưỡng tâm linh, tại các đền, chùa, lăng, miếu. Tạo tác khá phong phú các hình tượng, cảnh vật của tứ thời Xuân, Hạ, Thu, Đông, hay mai, lan, cúc, trúc...

Quy mô sản xuất của làng nghề ngày càng được mở rộng, thu hút hàng ngàn lao động có tay nghề khá. Nhiều gia đình có tới bảy tám thế hệ làm nghề điêu khắc đá. Nhiều sản phẩm được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Mỗi tác phẩm điêu khắc là một thành quả lao động kỳ công của những bàn tay tài hoa và cần mẫn. Từng mũi khoan, nét đục đẽo của những nghệ nhân đều thể hiện một tình yêu vô định với những tảng đá vô tri, tình yêu với nghề truyền thống bao đời của cha ông. Lúc đầu kỹ thuật chế tác đá Non Nước - Ngũ Hành Sơn chỉ được đào tạo theo kiểu truyền nghề và chủ yếu dựa theo kinh nghiệm và trí nhớ. Nhưng dần dần về sau, do nhu cầu phát triển nhiều nghệ nhân đã mở các lớp đào tạo tại chỗ và có những người đã cho con cái theo học các trường đại học mỹ thuật trong nước. Nhiều nghệ nhân đã chuyên sâu sáng tác kết hợp giữa cổ truyền và hiện đại.

Từ vài trăm hộ sản xuất kinh doanh, đến nay làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước đã có hơn 20 doanh nghiệp, với hơn 370 cơ sở sản xuất kinh doanh, tạo việc làm cho trên 3.000 lao động với mức thu nhập bình quân từ 7-8 triệu đồng/tháng [12]. Quy mô và tốc độ phát triển sản xuất làng nghề không ngừng gia tăng, đã chuyển đổi, giải quyết được việc làm cho nhiều lao động, đặc biệt là nông dân trên địa bàn bị thu hồi đất do giải tỏa, đền bù, chỉnh trang đô thị có thu nhập, ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo.

Sản phẩm đá mỹ nghệ của làng nghề truyền thống đá Non Nước không chỉ được biết trong nước mà còn nổi tiếng ở nhiều nước trên thế giới. Rất nhiều thương gia hoặc khách du lịch từ Hồng Kông, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Australia, Pháp, Canada, Hà Lan, Mỹ... đã đến ký hợp đồng đặt mua các sản phẩm ở làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước, trong đó có người mua với trị giá hàng trăm ngàn USD. Doanh thu hằng năm của làng nghề đạt khoảng 100 tỷ đồng, trong đó doanh thu xuất khẩu là 52% và doanh thu trong nước là 48%, đóng góp quan trọng cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội và trở thành niềm tự hào của quận Ngũ Hành Sơn nói riêng, thành phố Đà Nẵng nói chung [12].

3.3.2. Một số hạn chế tại làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

Sự phát triển làng đá mỹ nghệ Non Nước vẫn còn mang tính tự phát, các cơ sở sản xuất kinh doanh đá mỹ nghệ phát triển một cách ồ ạt, thiếu kiểm soát, không theo quy hoạch; tổ chức sản xuất kinh doanh còn nhỏ lẻ, chưa khép kín, thiếu tập trung, thiếu hệ thống thu gom nước thải và các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường. Vì vậy, hiện làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước đang đứng trước nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng trầm trọng. Người dân sử dụng axit để tẩy rửa sản phẩm, xả thẳng ra khu dân cư gây ô nhiễm nguồn nước, gây ảnh hưởng đối với môi trường sinh thái, môi trường du lịch, cảnh quan đô thị. Tình trạng tranh mua, tranh bán, nhái kiểu dáng, chất lượng sản phẩm bị lai tạp đang làm giảm giá trị sản phẩm và uy tín của làng nghề.

Về quy mô sản xuất, làng nghề chỉ phát triển đơn thuần, theo kiểu truyền thống, làm ăn nhỏ lẻ, thiếu sự liên kết với nhau. Hội Làng nghề tuy đã được thành lập nhưng lại đang thiếu nguồn lực nên hoạt động chưa thực sự hiệu quả.

Bên cạnh đó, nhận thức về thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, sở hữu công nghiệp của nhiều hộ sản xuất kinh doanh tại đây còn rất hạn chế. Làng nghề chỉ mới có logo chung, nhưng chưa có quy chế sử dụng logo này nên tác dụng quảng bá, xúc tiến thương mại còn nhiều hạn chế. Ngoài logo chung của làng nghề, hiện chỉ có một ít cơ sở có đăng ký sở hữu trí tuệ đối với thương hiệu riêng, logo riêng của mình.

4. Định hướng và giải pháp khôi phục làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

4.1. Định hướng phát triển làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

Phát triển làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước là vấn đề trọng tâm trong Đề án phát triển làng nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống thành phố Đà Nẵng [12]. Làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước được định hướng phát triển theo hướng mở rộng và phát triển thương mại kết hợp với phát triển du lịch. Mục tiêu 100% các cơ sở sản xuất đáp ứng đủ điều kiện được đưa vào khu sản xuất làng nghề tập trung với diện tích và vị trí khu sản xuất được phân bổ hợp lý, đáp ứng được nhu cầu sản xuất và phù hợp với những đặc trưng của quy trình sản xuất đá mỹ nghệ; 100% nhà xưởng sản xuất của các cơ sở được xây dựng theo đúng quy hoạch, có tính đồng bộ và đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn trong sản xuất; hệ thống cơ sở hạ tầng, thoát nước trong khu sản xuất được quy hoạch ban đầu, đồng bộ đảm bảo điều kiện cho các cơ sở sản xuất.

Ngoài ra, làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước nên hướng đến mục tiêu trở thành làng nghề sinh thái. Để làm được điều này, đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Nhà nước với từng hộ sản xuất kinh doanh. Do đó, các cơ quan quản lý nên đưa ra những chính sách khuyến khích phù hợp cho các doanh nghiệp tại làng nghề cũng như các chủ cơ sở đầu tư, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; cần sớm triển khai quy hoạch mở rộng làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước hiện tại, theo đó bố trí ở bãi chứa đá nguyên liệu hiện nay, khu tập trung ra phôi, phân đất chia lô sản xuất, đất dành cho giao thông, mương kỹ thuật, đất dành làm bãi chứa đá và trạm xử lý phế phẩm đá gắn với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường theo xu hướng xây dựng thành phố thân thiện với môi trường sẽ đáp ứng nguyện vọng của bà con làng nghề và giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm hiện nay.

4.2. Giải pháp khôi phục làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước

Theo Nguyễn Thị Lan Hương với hệ thống làng nghề phong phú đa dạng, du lịch làng nghề đang là tiềm năng thế mạnh của Việt Nam [13]. Đa số du khách quốc tế đến Việt Nam đều muốn mang theo về một vài món đồ thủ công mỹ nghệ bởi những sản phẩm này luôn chứa những gì tinh tế nhất của một nền văn hóa.

Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước được khôi phục thì không chỉ là tạo ra một điểm tham quan tiêu biểu đặc sắc cho quận Ngũ Hành Sơn nói riêng, du lịch Đà Nẵng nói chung mà còn có thể kích thích làng nghề phát triển song hành cùng du lịch. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất 3 giải pháp trọng tâm để UBND thành phố Đà Nẵng, UBND quận Ngũ Hành Sơn tham khảo, quan tâm, qua đó có những chính sách, chỉ đạo kịp thời nhằm khôi phục làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước, gồm: (1) Xây dựng khu chế tác, trưng bày các sản phẩm làng nghề kết hợp với

phát triển du lịch; (2) Giải quyết ô nhiễm môi trường, ô nhiễm tiếng ồn, không khí; (3) Chuyên môn hóa quy trình sản xuất.

4.2.1. Xây dựng khu chế tác, trưng bày các sản phẩm làng nghề kết hợp với phát triển du lịch

Khu chế tác, trưng bày được xây dựng nhằm lưu giữ truyền thống và giới thiệu một cách sâu sắc về làng nghề. Khu chế tác, trưng bày là sản phẩm du lịch độc lập vừa là trung gian quan trọng kết nối giữa du lịch và làng nghề. Hơn nữa, việc phát huy giá trị làng nghề có thể thúc đẩy làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước gìn giữ và phát triển theo chiều hướng tích cực, nâng chất nghệ thuật lên một tầm cao mới.

Qua quá trình khảo sát thực địa, tác giả cho rằng vị trí xây dựng khu chế tác, trưng bày nên ở khu đất phía Bắc đường Huyện Trần Công Chúa và Hoàng Sa. Bởi đây là vị trí thuận lợi nhất để liên kết khách tham quan Danh thắng Ngũ Hành Sơn và Làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước. Tại khu chế tác, trưng bày nên được xây dựng 8 hạng mục cơ bản (Hình 1).



Hình 1. Phối cảnh tổng thể khu chế tác, trưng bày các sản phẩm của làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước
(Nguồn: Phác thảo của tác giả)

a. Khuôn viên cây xanh, khu dừng chân cho du khách

Việc cải tạo, trồng thêm cây xanh nhằm tạo ra mảng cây xanh cho khu trưng bày nói riêng, quần thể danh thắng Ngũ Hành Sơn nói chung. Tại đây cần kiến tạo không gian bao quanh khuôn viên, lối đi và một không gian rộng để làm nơi nghỉ ngơi sinh hoạt cộng đồng và đan xen hợp lý giữa sự nghỉ ngơi thư giãn, thường lãm trong các phân khu còn lại; kết hợp trưng bày và các hoạt động như cắm trại, vui chơi giải trí, các hội thi điêu khắc đá thủ công hàng năm. Đây là khu dừng chân cho du khách, do đó có thể phục vụ giải khát và các món ăn nhẹ mang bản sắc địa phương như Mỳ Quảng, sắn, đậu, bắp...

b. Khu giới thiệu lịch sử làng nghề, tên tuổi những bậc tiền bối nổi tiếng

Đây là nơi trưng bày tranh ảnh, tài liệu minh chứng chiều dài lịch sử của làng nghề (tranh ảnh, bản sao, văn bia, tư liệu qua sưu tầm và các bằng cấp được nhà nước công nhận cho các nghệ nhân, các tư liệu từ nhân gian, gia tộc, miếu mộ, đình chùa)... Nơi đây cũng là nơi giới thiệu tổng quan và chiếu phim tài liệu về làng nghề đến với du khách.

Tên tuổi, lịch sử các bậc tiền bối, các nghệ nhân được phong hàm phẩm, những nghệ nhân với những dòng sản phẩm đặc trưng từ xưa đến nay cũng được trưng bày tại đây. Ủy ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn nên có cơ chế kêu gọi các nghệ nhân và gia đình có tâm huyết đóng góp các sản phẩm để trưng bày nhằm đa dạng sản phẩm, chống thất lạc.

c. Khu tái hiện phương pháp chế tác truyền thống

Đây là không gian mở được tái hiện lại các hình ảnh về phương thức điêu khắc đá thời kỳ hoàn toàn thủ công như: Nơ đá, cưa đá, rên dụng cụ, điêu khắc đá, đánh bóng sản phẩm...

Những sản phẩm thủ công được người thợ thực hiện tại chỗ và cho du khách trực tiếp tham quan, trải nghiệm sẽ đem lại sự hứng thú cho du khách. Tuy nhiên, cần kêu gọi, khuyến khích cộng đồng sáng tạo những mẫu chỉ phù hợp với làm thủ công hơn là máy móc.

d. Khu trưng bày những hiện vật trước đây được làm hoàn toàn bằng thủ công

Khu này là không gian mở kết hợp với dù lá, lều lá một cách đan xen cùng với các phương tiện ghế bàn uống trà, cà phê một cách hợp lý. Tại đây, du khách có thời gian chiêm ngưỡng tác phẩm, thư giãn, lắng nghe các dòng nhạc cổ điển để giải tỏa sự mệt mỏi sau hành trình tham quan Danh thắng Ngũ Hành Sơn.

Khi trang trí những tác phẩm nên kết hợp với những dòng sản phẩm thủ công khác như mây tre, mộc, gốm... có tính chất truyền thống và thân thiện với môi trường. Nhưng phải chú ý làm nổi bật được tác phẩm theo chủ đích và ý nghĩa.

Để khu này thực thi cần phải kêu gọi, sưu tầm các tác phẩm từ 30 - 40 thập niên đã qua, hiện vẫn còn trong nhân dân, hay ở những nơi khác trong và ngoài nước.

e. Khu trưng bày và giới thiệu các loại đá ở Việt Nam

Đây là khu không gian mở được thiết kế một vách tường hình bản đồ Việt Nam ở trung tâm, để đặt các loại đá đặc trưng theo từng vùng và tỉnh thành đúng với chỉ dẫn địa lý của nó trên bản đồ. Để tiện giới thiệu chi tiết các loại đá khác nhau, phương thức chế biến, độ cứng thuộc loại quý hiếm và cách nhìn nhận phân biệt... Khu này kết hợp với trưng bày đá Suiseki và nghệ thuật cây cảnh bonsai.

Hạng mục này có thể triển khai tương đối dễ dàng so với các hạng mục khác, vì hiện nay đã có rất nhiều loại đá cả trong và ngoài nước đưa về làng nghề để sản xuất, chế tác. Thêm vào đó, phong trào chơi cây cảnh và đá Suiseki khá phát triển nên chúng ta có thể kêu gọi xã hội hóa được.

f. Khu tôn vinh các nghệ nhân

Đây là không gian mở, trưng bày các tác phẩm của các nghệ nhân tiêu biểu, đồng thời giới thiệu tiểu sử và những đóng góp của từng cá nhân đó.

Mỗi một nghệ nhân chọn một tác phẩm tiêu biểu để trưng bày, trước tác phẩm có một bệ nhỏ để đặt cuốn sổ ghi lại lý lịch và tiểu sử, hình ảnh hoạt động của các nghệ nhân. Để đa dạng sản phẩm của hạng mục này cần tổ chức các hội thi điêu khắc đá thật sự chất lượng, tổ chức trao giải, thu mua những tác phẩm này để trưng bày tại đây.

Khu này nên xã hội hóa, kêu gọi các gia đình nghệ nhân thực hiện trưng bày, chăm sóc nhưng phải theo quy hoạch chung.

g. Khu trưng bày các tác phẩm tiêu biểu hiện nay

Đây là không gian mở dùng để trưng bày, giới thiệu các tác phẩm đạt giải qua các cuộc thi và được giới thiệu chọn lọc trong làng nghề. Hàng năm tổ chức hội thi chế tác đá thủ công thật sự chất lượng, Ban tổ chức hội thi sẽ tham mưu cho UBND quận Ngũ Hành Sơn đấu giá, thu mua những tác phẩm này để trưng bày tại đây, nhằm tôn vinh và nâng cao giá trị nghệ thuật

f. Phòng truyền thống, nơi giao lưu của các nghệ nhân với du khách

Đây là nơi nơi giao lưu của các nghệ nhân, du khách được thiết kế với không gian bán kiên cố nhà bằng lá và không gian mở. Tại đây cần sưu tầm, lưu giữ các tài liệu về phương thức chế tác và các loại sách tiêu biểu trong ngành nghệ thuật điêu khắc đá ở Việt Nam và thế giới; có không gian để các nghệ nhân sinh hoạt trao đổi nghề nghiệp và sáng tác tác phẩm.

4.2.2. Giải quyết ô nhiễm môi trường, ô nhiễm tiếng ồn, không khí

Thách thức lớn nhất hiện nay đối với Làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước chính là tình trạng ô nhiễm môi trường, điều này không chỉ tác động xấu đến sức khỏe của người lao động, chủ cơ sở mà còn ảnh hưởng đến môi trường của khu dân cư xung quanh làng nghề, không thể đưa vào tham quan du lịch của du khách muốn khám phá quá trình chế tác các loại hình tượng bằng đá cẩm thạch trong khuôn viên làng nghề.

Trước đây, do tính cấp bách của việc quy hoạch các hộ sản xuất đá mỹ nghệ thành làng nghề tập trung nên việc quy hoạch làng nghề được áp dụng như quy hoạch khu dân cư. Điều này dẫn đến nhiều bất cập trong công năng sử dụng cho mục đích sản xuất. Nhiều cơ sở tại làng nghề được bố trí đất sản xuất giống khu dân cư (Chiều ngang 05 mét, chiều dài 20 mét) nên tương đối chật chội đối với các cơ sở sản xuất hàng mỹ nghệ có kích thước lớn, khó đưa nguyên vật liệu đá vào sâu trong cơ sở, không có chỗ tập kết nguyên vật liệu. Từ đó dẫn đến tình trạng sản xuất trên

via hè, làm cho bột đá phế phẩm không chảy vào hệ thống thu gom nước thải sản xuất đã được xây dựng mà chảy tràn lan trên vỉa hè, lòng đường gây ô nhiễm môi trường.

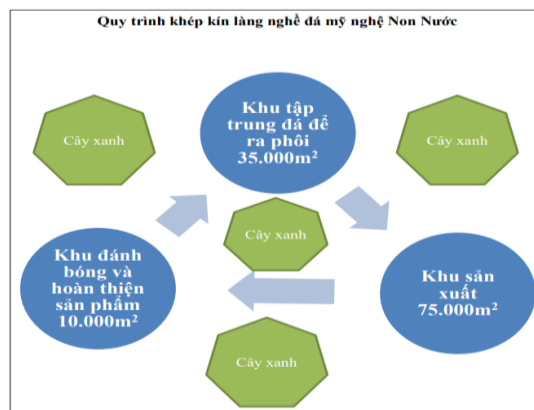
Như vậy, việc ô nhiễm tại làng nghề hiện nay là do công tác quy hoạch, bố trí chưa hợp lý cả về phân lô sản xuất và hệ thống hạ tầng thu gom nước, bột đá. Một số biện pháp để giải quyết vấn đề này như sau:

- Bố trí lại không gian cây xanh bao quanh khuôn viên làng nghề;
- Bố trí lại việc phân lô sản xuất, vì diện tích các lô cấp cho các cơ sở sản xuất có rất nhiều bất cập, ảnh hưởng đến quy trình sản xuất, tốn nhiều chi phí;
- Quy hoạch lại hệ thống thoát và thu gom nước thải, phế phẩm sau sản xuất;
- Hoàn thiện hệ thống tường rào ngăn cách khu dân cư để giảm bụi và tiếng ồn;
- Quy hoạch và sớm triển khai khu ra phôi tập trung trước khi đưa vào các cơ sở sản xuất như hiện nay.

Trước mắt, UBND thành phố Đà Nẵng cần có những chính sách huy động nguồn lực nhằm mục tiêu xây dựng khu làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước trở thành làng nghề sinh thái; có cơ chế khuyến khích phù hợp cho các doanh nghiệp làng nghề cũng như các chủ cơ sở đầu tư, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường. Bởi vì, môi trường trong làng nghề chỉ có thể giải quyết tốt khi có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Nhà nước với từng hộ sản xuất kinh doanh. Về lâu dài, nếu có phát sinh nhu cầu về quỹ đất cho các cơ sở sản xuất mới thì không xem xét tiếp tục mở rộng diện tích làng nghề tại địa điểm hiện nay mà thực hiện nghiên cứu quy hoạch và di dời khu sản xuất vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung để đảm bảo môi trường.

4.2.3. Chuyên môn hóa quy trình sản xuất

Quy trình sản xuất tại làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước nên được thực hiện theo phương thức khép kín (Hình 2). Cụ thể: Đá được vận chuyển về làng nghề sẽ được tập trung tại khu ra phôi. Sau đó chuyển về các cơ sở sản xuất, qua khu hoàn thiện đánh bóng và cuối cùng ra thị trường tiêu thụ.



Hình 2. Quy trình khép kín làng nghề đá mỹ nghệ Non Nước
(Nguồn: Đề xuất của tác giả)

Giải pháp cần ưu tiên hiện nay trong quy trình sản xuất tập trung ở “khâu ra phôi”, bởi công đoạn ra phôi là công đoạn xả ra phế phẩm nhiều nhất, hơn nữa tảng đá khi chưa ra phôi so với ban đầu trọng lượng thường giảm khoảng 30 - 40% khối lượng. Có nghĩa là một bức tượng từ đá ra phôi là ô nhiễm nhất. Khi đã có phôi đến hoàn thiện trọng lượng chỉ giảm đi khoảng 5-10%. Từ công đoạn có phôi đến hoàn thiện sẽ dễ dàng di chuyển và ít ô nhiễm. Do đó, cần xây dựng một khu sản xuất riêng để ra phôi tập trung, độc lập với khu sản xuất hiện nay là rất cần thiết.

Đề địa điểm ra phôi đảm bảo số lượng đáp ứng cho các cơ sở sản xuất và giải quyết vấn đề ô nhiễm thì cần tính toán một cách kỹ lưỡng, khoa học về diện tích, phương pháp di chuyển các khối đá, bố trí máy móc hợp lý, quy trình xử lý nước thải, bột đá, cũng như tính toán thu hồi phế

phẩm một cách nhanh chóng. Đồng thời phế phẩm thu được sẽ là nguyên liệu cho một nhà máy sản xuất khác; nước thải ra cần tái sử dụng lại được.

Nếu quy hoạch, xây dựng tập trung chế tác tạo phôi cung cấp cho các cơ sở sản xuất đá sẽ giải quyết được việc chiếm dụng bãi đá nguyên liệu để chứa đá và sản xuất trái phép tại nơi này.

Về công nghệ đánh bóng sản phẩm, hiện nay các sản phẩm làng nghề đá chất lượng sản phẩm không hề thua kém so với các nước khác, được thị trường nhiều nước chấp nhận. Tuy nhiên, về độ mỹ thuật của sản phẩm thì sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu thị hiếu của nhiều nước, hiện tại các sản phẩm được đánh bóng thủ công, chi phí cao nhưng sản phẩm chưa đạt độ tinh xảo so với các nước như Trung Quốc, Thái Lan... Do đó cần quy hoạch khu hoàn thiện sản phẩm nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm trước khi cung ứng ra thị trường.

5. Kết luận

Nghề điêu khắc đá mỹ nghệ Non Nước ẩn chứa các lớp lịch sử, văn hóa trong từng công đoạn của nghề, trên từng sản phẩm, là bảo tàng sống về sinh hoạt văn hóa, đời sống tinh thần của người dân địa phương. Hiện nay, nghề này còn có vai trò rất lớn trong đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng, đã góp phần quan trọng vào sự dịch chuyển cơ cấu, chuyển từ lao động giản đơn, năng suất thấp sang lao động có kỹ năng, năng suất cao. Nghề đã tận dụng được nguồn lao động nhàn rỗi, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Tuy nhiên, làng nghề còn tồn tại rất nhiều những bất cập, hạn chế. Chính vì vậy, công tác khôi phục làng nghề truyền thống đá mỹ nghệ Non Nước là một yêu cầu cấp bách, cần được cơ quan quản lý quan tâm thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] X. N. Dinh, "Some key policies for sustainable development of craft villages in Vietnam," (in Vietnamese), Ministerial-level scientific research projects, Vietnam, 2010.
- [2] N. B. Nguyen, "Craft village tourism in the Southeast VietNam – Reality and remedies for development," *Scientific Journal – Dong Nai University*, vol. 7, pp. 62-76, 2017.
- [3] C. Q. Pham, "Protect and promote the value of crafts traditional connected with tourism development," (in Vietnamese), *Cultural Heritage Journal*, vol. 56, no. 3, pp. 82-83, 2016.
- [4] T. N. K. Nguyen, V. N. Mai, and Q. N. Duong, "Solution to maintain traditional villages and develop tourism combination model," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 28, pp. 17-25, 2013.
- [5] V. H. Pham and X. A. Trinh, "Measures for sustainable development of the traditional handicraft villages in Vietnam to serve tourism," *Ho Chi Minh City University of education journal of science*, vol. 35, pp. 10-17, 2012.
- [6] L. Ho and T. Quoc, "Traditional craft villages - a place to preserve and develop the cultural values of the nation," 2020. [Online]. Available: <https://hcmcpv.org.vn/tin-tuc/lang-nghe-truyen-thong-noi-luu-giu-phat-trien-tinh-hoa-van-hoa-cua-dan-toc-1491868316>. [Accessed August 25, 2021].
- [7] D. T. Huynh, "The policies on developing traditional craft villages in some Asian countries and lessons for Vietnam," *Science and Technology Development Journal - Viet Nam National University Ho Chi Minh City*, vol. 18, no. 2, pp. 119-126, 2015.
- [8] V. N. Mai, "Solutions to develop the model of craft villages and tourism in Bac Lieu province," (in Vietnamese), Provincial-level scientific research projects, Vietnam, 2009.
- [9] K. H. Nguyen and T. K. L. Le, "Solution to the recovery and development of traditional craft villages in Thua Thien Hue province," *Hue University Journal of Science*, vol. 72, no. 3, pp. 149-154, 2012.
- [10] T. H. Vu, "Traditional craft villages in Nam Dinh province in international integration," (in Vietnamese), PhD thesis, Ho Chi Minh National Academy of Politics, Ho Chi Minh, 2016.
- [11] T. T. Truong and M. T. Ly, "Potential, current situation and solutions to tourism development at brocade weaving craft village of Khmer ethnic in Van Giao commune, Tinh Bien district, An Giang province," *Can Tho University Journal of Science*, vol. 54, no. 4C, pp. 137-147, 2018.
- [12] Non Nuoc Stone Sculpture Village Management Board, *5-year summary report 2015 to 2020*, Da Nang, Vietnam, 2020.
- [13] A. Le, "Developing craft village tourism in a sustainable way," 2018. [Online]. Available: <https://dangcong-san.vn/kinh-te/phat-trien-du-lich-lang-nghe-theo-huong-ben-vung-476291.html>. [Accessed August 25, 2021].